TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 11

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số liền sau của số liền trước số 49 là:

A. 47 **B.** 48 **C.** 50 **D.** 49

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 68, 63, 58, 53, ……, 43

A. 49 **B.** 53 **C.** 48 **D.** 47

Câu 3. Tổng của hai số là 62, số hạng thứ nhất là 26. Số hạng thứ hai là:

A. 88 **B.** 36 **C.** 37 **D.** 26

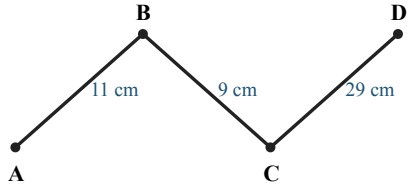
Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 42 − ……. = 24

A. 8 **B.** 12 **C.** 18 **D.** 28

Câu 5. Nam bắt đầu đi tham quan lúc 8 giờ sáng và về đến nhà lúc 10 giờ. Chuyến tham quan kéo dài:

A. 10 giờ **B.** 2 giờ **C.** 2 phút **D.** 3 giờ

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCD là:



A. 20 cm **B.** 59 cm **C.** 39 cm **D.** 49 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) 63 − ……. = 37

b) 17 + ……. = 53 − 7

c) ……. − 18 = 39

d) 14 + ……. = 43

Bài 2. Tính:

a) 38 + 23 − 22 = …….

b) 66 − 36 − 14 = …….

c) 67 − 36 − 9 = …….

d) 32 kg + 39 kg − 11 kg = ……. kg

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Một ngày có 12 giờ	
b) 8 dm = 8 cm	
c) 63 + 20 = 83	
d) Một giờ có 60 phút	

Bài 4. Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:

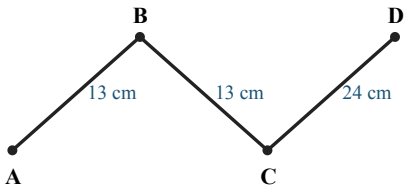




a) Đồng hồ thứ nhất chỉ ..... giờ ..... phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ ..... giờ ..... phút

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:



a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là: ..... cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: ..... dm

Bài 6. Thùng thứ nhất có 29 l nước mắm, thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất 6 l. Hỏi cả hai thùng có bao nhiêu lít nước mắm?

a) Thùng thứ hai có: l

b) Cả hai thùng có: l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 11

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	C	B	C	B	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 63 − 37 = 26

b) 53 − 7 = 46; 46 − 17 = 29

c) 39 + 18 = 57

d) 43 − 14 = 29

Bài 2.

a) 38 + 23 = 61; 61 − 22 = 39

b) 66 − 36 = 30; 30 − 14 = 16

c) 67 − 36 = 31; 31 − 9 = 22

d) 32 + 39 = 71; 71 − 11 = 60

Bài 3.

a) S; b) S; c) Đ; d) Đ

Bài 4.

a) 8 giờ 15 phút

b) 9 giờ 30 phút (hay 9 giờ rưỡi)

Bài 5.

a) 13 + 13 + 24 = 50 (cm)

b) 50 cm = 5 dm

Bài 6.

Thùng thứ hai: 29 + 6 = 35 (l)

Cả hai thùng: 29 + 35 = 64 (l)